

Số: 66 /CV-MCF-TCHC

Long An, ngày 20 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây Lập Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm
2. Mã chứng khoán: MCF
3. Địa chỉ: 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6 Thành phố Tân An, Long An
4. Điện thoại liên hệ: 02723.821780 Fax: 02723.820509
5. Email: info@mecofood.com.vn Website : <https://mecofood.com.vn>
6. Người thực hiện CBTT: Ông Lê Trường Sơn, chức vụ Tổng giám đốc
7. Loại công bố thông tin
 Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

8. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết HĐQT phiên ngày 20/03/2024 về việc:

- Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.
- Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.
- Thống nhất thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam kiểm toán và Ban kiểm soát Công ty thẩm định để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.
- Thống nhất thông qua chủ trương đầu tư xe con phục vụ công tác tại Công ty cổ phần Xây lập - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.
- Thống nhất thông qua quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Xây lập - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2024 tại đường dẫn: <https://mecofood.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:
- Như trên;
- CBTT;
- Lưu VT.



Số: 07/NQ-MCF-HĐQT

Long An, ngày 20 tháng 03 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lập - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lập - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu phiếu lấy ý kiến biểu quyết Hội đồng quản trị bằng văn bản Số 06/BB-MCF-HĐQT ngày 19/03/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt (Có báo cáo kèm theo);

Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt với các chỉ tiêu chính như sau:

Mua vào :

- Lúa quy gạo: 34.000 tấn

Bán ra :

- Lúa quy gạo: 34.000 tấn

- Bao bì: 07 triệu chiếc

- Mỹ nghệ: 20 cont

- Cơ khí doanh thu 25 tỷ đồng

- Bê tông 60.000 m³

- Tổng giá trị đầu tư: 8,58 tỷ đồng

- Tổng doanh thu: 572.529.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 14.000.000.000 đồng

(Có kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2: Thống nhất thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam kiểm toán và Ban kiểm soát Công ty thẩm định để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu: 446.452.863.082 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 13.900.916.734 đồng



(Có báo cáo tài chính năm 2023 và thẩm định của Ban kiểm soát kèm theo).

Điều 3: Thống nhất thông qua chủ trương đầu tư xe con phục vụ công tác tại Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm với nội dung như sau:

TT	Tên hạng mục đầu tư	Số lượng	Xuất xứ	Giá trị	Ghi chú
1	Xe INOVA 7 chỗ	01	Nhật	820.000.000	Mới 100%
	Tổng cộng			820.000.000	

Giao Ban điều hành tổ chức đấu thầu chọn nhà cung cấp theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 4: Thống nhất thông qua quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm. (Có Quy chế công bố thông tin đính kèm).

Điều 5: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các Ông, Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các Trưởng phòng ban có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCK HN;
- HDQT, BKS;
- BTGD CTY;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BẠCH NGỌC VĂN



Số : 08/QĐ-MCF-HĐQT

Long An, ngày 20 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin
của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP XÂY LẬP CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được Chính phủ thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được Bộ Tài chính thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm;

Căn cứ phiếu lấy ý kiến các Thành viên HĐQT Công ty Số 05/LYK-MCF-HĐQT ngày 13/03/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là "Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Các Ông, Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng, Giám đốc các Xí nghiệp trực thuộc, các bộ phận có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*** Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT, BKS Cty;
- BTGD Công ty;
- Lưu MC/D/HĐQT/QĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BẠCH NGỌC VĂN



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
(Niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội)**

Ban hành/03/2024

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Tài liệu tham khảo.....	3
Điều 3. Các chữ viết tắt	4
Điều 4. Giải thích từ ngữ	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	6
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
Điều 7. Lưu đồ thực hiện	8
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin	10
Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	11
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan	11
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	11
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	11
Điều 12. Triển khai thực hiện.....	12
PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN	13
PHỤ LỤC 1.1 : PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH	13
PHỤ LỤC 1.2 : PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	20
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	21
PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU.....	24

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ngày 10 tháng 08 năm 2023;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực thực phẩm
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK/HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- VSDC : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty là:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: Họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
- 5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
- 6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
- 7. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
- 8. *Người có liên quan^[1]* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.
- 9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội

[¹] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5	trong một số trường hợp	Báo in, Báo điện tử, v.v...

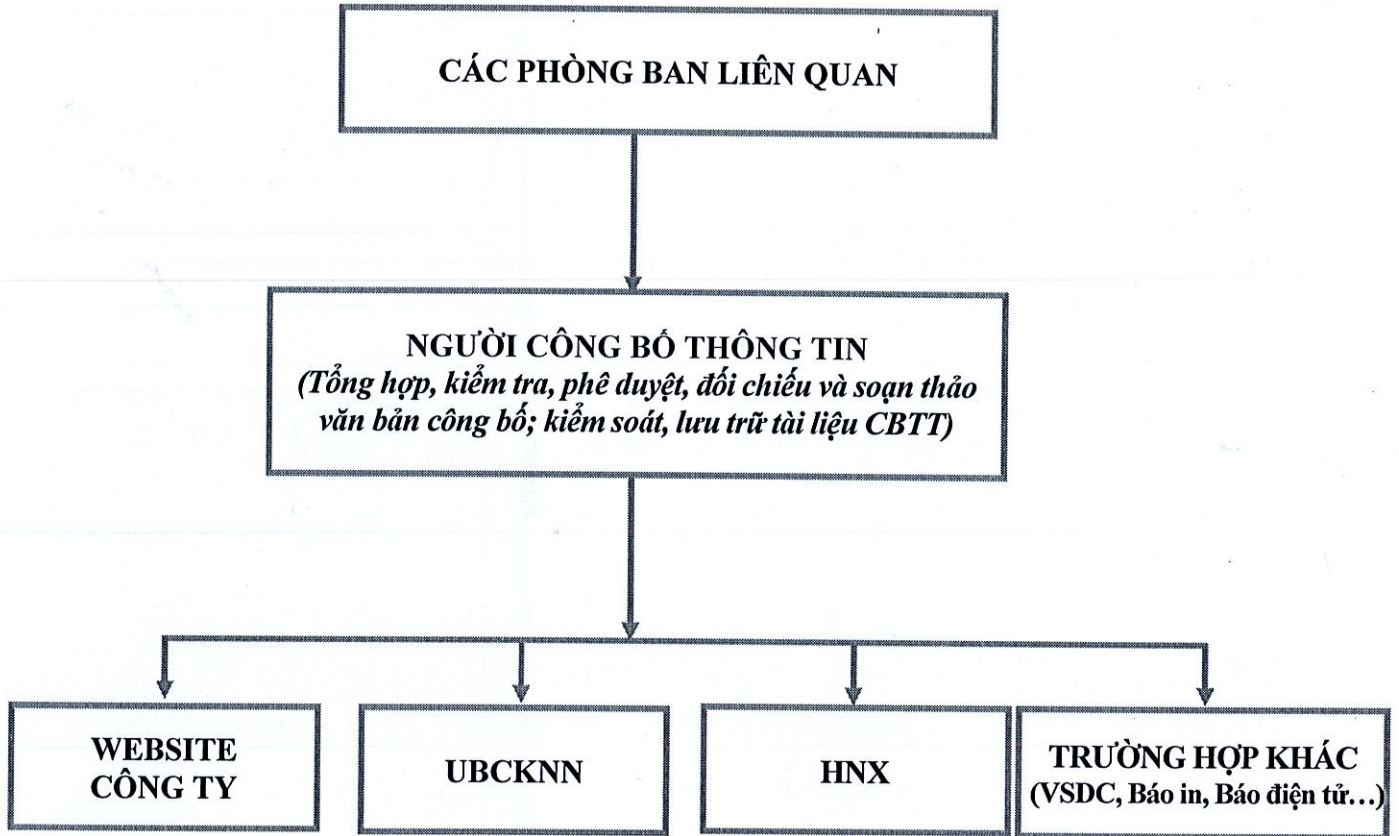
(*)Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ;
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó;
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

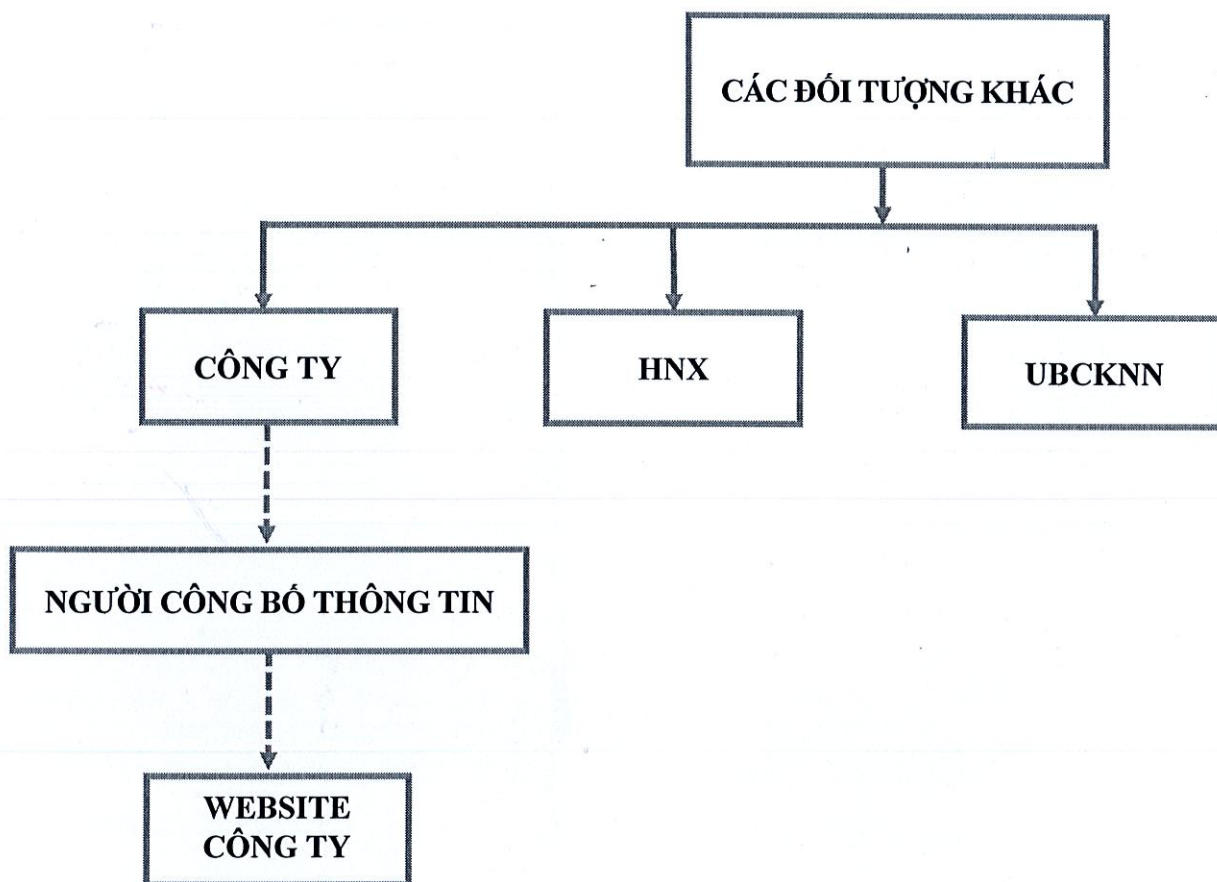
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)



Ghi chú: ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX

- - - -> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế này:

a) Phòng Tổ chức Hành chính : Phụ lục 1.1

b) Phòng Tài chính Kế toán : Phụ lục 1.2

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

Nơi nhận:

- Lưu VPCT.
- BKS
- HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BẠCH NGỌC VĂN

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 1.1: PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
A.	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ		
I.	Báo cáo thường niên		
1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
II.	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Từ ngày 01/7-25/07
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Từ ngày 01/01-25/01
4	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Mẫu NY-02 - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel	<i>Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</i>	Từ ngày 01/01-25/01
III.	Đại hội đồng cổ đông		
5	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
6	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (<i>Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
7	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
IV.	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản		
8	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
9	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <i>(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
10	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
V.	Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ		
11	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 1 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/03 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02)</i>	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
12	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 2 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/06 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)</i>	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
13	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 3 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/09 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)</i>	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
14	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 4 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/12 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)</i>	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
B.	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG		
15	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
16	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
17	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
18	Công bố thông tin về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Mẫu 05_CBTT/SGDHN	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
19	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
20	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
21	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
22	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
23	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
24	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
25	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
26	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
27	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
28	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
29	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
30	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
31	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
32	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
33	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
34	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
35	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN .	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
36	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
37	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:		Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
38	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
39	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
40	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
41	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
42	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
43	Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III - TT96	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
44	Công ty gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo Phụ lục III - TT96	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
45	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN .	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
46	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
47	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
48	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
49	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
50	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
51	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
52	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
53	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
54	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
55	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
56	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
57	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
58	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ nghị quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
C.	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU		
59	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		
60	1) <i>Xây ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;</i>	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
61	2) <i>Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.</i>	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
D.	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU		
62	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHCĐ)	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
		Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
63	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện
E.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		
64	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
65	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
66	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT
67	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT

PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
A.	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ		
-	Báo cáo tài chính		
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trước 2 ngày so với thời hạn công bố thông tin
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trước 2 ngày so với thời hạn công bố thông tin
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trước 2 ngày so với thời hạn công bố thông tin

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NGƯỜI CBTT
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trước 2 ngày so với thời hạn công bố thông tin
5	<i>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</i> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Trước 2 ngày so với thời hạn công bố thông tin
B.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		
6	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Trước 1 ngày so với thời hạn CBTT

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII –TT96** kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo **Phụ lục VIII –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi),** kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Phụ lục XIII –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.










- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch,









NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Phụ lục XIV –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.
- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB.

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Nội dung	Biểu mẫu
1.	Báo cáo thường niên (Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục IV - TT96 - BCTN
2.	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục V - TT96 - BCQT
3.	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Mẫu NY-02- Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết)	 Mau NY-02.docx
4.	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty	 HNX - Danh sách CDL, CDCL, CDNN, C
5.	Thay đổi người nội bộ (Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục I - Thay đổi NNB
6.	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục III - TT96 - BCCTT
7.	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục II - Thay đổi NCLQ của NNB
8.	Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục III - Thay đổi Giấy CNDKDN
9.	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục IV - TB đăng ký, thay đổi m

STT	Nội dung	Biểu mẫu
10.	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục V - TB thay đổi SLCP đang lưu h
11.	Công bố thông tin bất thường (Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục VI - CBTT bat thuong.docx
12.	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục VII - CDL
13.	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục VIII - CDL giao dịch vượt ngưỡng
14.	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ (Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục XIII - Thông báo GD NNB
15.	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục XV - Báo cáo GD NNB
16.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Mẫu 07/THQ theo Quyết định số 09/QĐ-HDTV ngày 10 tháng 08 năm 2023)	 Mẫu 07-THQ.doc
17.	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)	 Báo cáo tiến độ sử dụng vốn

Số 39/BC-MCF-TCHC

Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

PHẦN A
THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2023

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Tình hình chung:

Kinh tế thế giới và trong nước năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, xung đột quân sự Nga và Ucraina, Trung Đông phức tạp khó lường, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

Ở trong nước, nền kinh tế chịu tác động từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực, nhất là về xuất khẩu, thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, tỷ giá, lãi suất.

2. Tình hình của Công ty:

Tình hình hoạt động SXKD của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của tình hình khó khăn trong nước, ngoại trừ ngành hàng lương thực có hiệu quả cao do giá gạo tăng đột biến, ngành hàng cơ khí doanh thu vượt kế hoạch và có hiệu quả thì hầu hết các ngành hàng kinh doanh còn lại của Công ty đều không đạt được lợi nhuận, doanh thu và sản lượng theo như kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Mặt hàng lương thực: Giá gạo biến động tăng liên tục không có dấu hiệu hạ nhiệt làm cho việc thu mua lưu trữ kho và sản xuất chế biến gặp rất nhiều khó khăn, công ty chỉ giữ được khách hàng truyền thống, không tìm kiếm được khách hàng mới.

Mặt hàng bê tông: Do ảnh hưởng của việc thắt chặt tiền tệ hạn chế đầu tư công nên các công trình công chậm khởi công hoặc triển khai hoạt động cầm chừng làm ảnh hưởng rất lớn sản lượng bê tông của Công ty.

Mặt hàng Mỹ nghệ: Tình hình kinh tế khó khăn nên nhu cầu sử dụng hàng mỹ nghệ của người dân thấp, phía khách hàng nước ngoài cắt giảm sản lượng hoặc không đặt hàng.

Mặt hàng bao bì: Giá hạt nhựa luôn ở mức cao, giá bán cạnh tranh rất khốc liệt Công ty phải giảm giá mới bán được hàng.

Mặt hàng cơ khí: Công trình của ngành hàng cơ khí cũng được cải thiện nhiều. Công ty thực hiện một số hợp đồng cơ khí cho các đơn vị bên ngoài và các công trình sửa chữa trong hệ thống Tổng công ty. Tuy nhiên giá vật tư đầu vào tăng cao, lực

lượng công nhân cơ khí mỏng, Công ty phải tìm nhiều giải pháp để đảm bảo hiệu quả và đúng tiến độ cho khách hàng.

Đứng trước khó khăn trên Ban điều hành luôn nắm bắt tình hình thị trường có những bước đi thận trọng, chắc chắn và linh hoạt đảm bảo có hiệu quả và tăng trưởng. Với Kết quả SXKD của Công ty trong năm 2023 đạt 100,73% lợi nhuận theo kế hoạch, đảm bảo được việc làm, đời sống, thu nhập cho người lao động trong Công ty.

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

1- Kết quả chung:

1.1- Kết quả các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023			So cùng kỳ 2022 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2023 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	511,538	446,454	87,28	105,02
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	13,800	13,901	100,73	101,40
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo QĐ	5,023		127,49
4	Thu nhập b/q	Tr đồng	8,23	8,67	105,35	104,84

1.2- Kết quả thực hiện sản lượng kinh doanh từng ngành hàng:

Mặt hàng	ĐVT	KH năm 2023	Lũy kế năm 2023	So KH năm (%)	So cùng kỳ (%)
A/ Chỉ tiêu sản lượng					
1) Mua vào					
a) Lúa gạo quy gạo		34.000	23.094	67,92%	97,75%
- Lúa	Tấn	500	518	103,60%	104,23%
- Gạo	Tấn	33.750	22.835	67,66%	97,68%
b) Hạt nhựa + vical	Tấn	700	467	66,71%	93,21%
c) Lúa tươi	Tấn	1.380	562	40,72%	45,73%
d) Rơm vàng	Tấn	100	66	66,00%	97,06%
2) Bán ra					
- Lương thực	Tấn	34.000	25.294	74,39%	105,83%
+ Nội địa	Tấn	30.000	21.775	72,58%	103,71%
Trong đó: cung ứng TCT					
+ Xuất khẩu	Tấn	4.000	3.519	87,98%	121,18%
Trực tiếp	Tấn	4.000	3.519		126,40%
Ủy thác xuất khẩu TCT	Tấn				
- Bao bì	1.000 cái	7.000	3.748	53,54%	106,72%
- Mỹ nghệ	Con't	24,0	12,5	52,08%	71,43%
- Cơ khí	Tr.đồng	20.000	21.921	109,61%	129,88%
- Bê tông	m3	65.000	37.760	58,09%	68,36%

B/ Chỉ tiêu tài chính					
1) Tổng doanh thu	Tr.đồng	511.538	446.454	87,28%	105,02%
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	Tr.đồng	510.208	443.847	86,99%	104,85%
- Lương thực	Tr.đồng	354.249	345.163	97,44%	114,09%
+ Nội địa	Tr.đồng	304.630	280.908	92,21%	109,25%
+ Xuất khẩu	Tr.đồng	49.619	64.255	129,50%	141,45%
- Bao bì	Tr.đồng	31.500	16.401	52,07%	101,06%
- Mỹ nghệ	Tr.đồng	16.709	8.926	53,42%	75,11%
- Cơ khí	Tr.đồng	20.000	21.921	109,61%	129,88%
- Bê tông	Tr.đồng	87.750	51.436	58,62%	67,89%
TN khác+TN tài chính	Tr.đồng	1.330	2.607	196,02%	143,87%
2) Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.800	13.901	100,73%	101,40%
- Lương thực	Tr.đồng	8.695	13.473	154,95%	99,45%
+ Nội địa	Tr.đồng		11.287		92,98%
+ Xuất khẩu	Tr.đồng		2.185		155,20%
- Bao bì	Tr.đồng	703	(126)	-17,89%	49,91%
- Mỹ nghệ	Tr.đồng	1.190	102	8,55%	-37,96%
- Cơ khí	Tr.đồng	467	273	58,49%	241,73%
- Bê tông	Tr.đồng	2.745	250	9,10%	48,91%
- Khác	Tr.đồng		(71)		-122,41%

2- Đánh giá từng mặt hàng:

2.1. Mặt hàng lương thực:

Lượng tồn kho đến ngày 31/12/2023 qui gạo là 6.781 tấn, giá trị: 82,977 tỷ trong đó:

Đã có hợp đồng: 6.289 tấn

Chưa có hợp đồng: 492 tấn

Mặt hàng lương thực trong năm 2023 số lượng bán ra 25.294 tấn đạt 74,39% so với kế hoạch (25.294 tấn/34.000 tấn), đạt 105,83% (25.294 tấn/23.900 tấn) so với cùng kỳ 2022. Mặc dù sản lượng bán ra thấp hơn so với kế hoạch nhưng trong năm 2023 ngành hàng lương thực mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty. Đạt được kết quả trên là do giá gạo trong năm 2023 tăng đột biến làm cho hiệu quả ngành hàng này tăng mạnh. Bên cạnh đó Công ty làm tốt công tác thu mua, ngay từ đầu năm 2023 Công ty luôn nắm bắt tình hình thị trường chọn thời điểm mua vào gạo nguyên liệu giá thấp nên giá bình quân tồn kho thấp khi chế biến bán ra cho khách hàng đều có lãi.

2.2. Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:

a)- Mặt hàng Bao bì:

Mặt hàng bao bì trong năm 2023 số lượng bán ra 3,748 triệu chiếc đạt 53,54% so với kế hoạch (3,748 triệu chiếc/ 7 triệu chiếc), đạt 106,72% (3,748 triệu chiếc/3,512 triệu chiếc) so với cùng kỳ 2022, nguyên nhân do ngành hàng này cạnh tranh về giá bán rất khốc liệt Công ty phải giảm giá mới bán được hàng, việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh 7 triệu chiếc trong năm 2023 không thể thực hiện được.

Trong năm 2023 ngành hàng bao bì kinh doanh không hiệu quả góp phần làm giảm đi lợi nhuận chung toàn Công ty.

b)- Mặt hàng Mỹ nghệ:

Mặt hàng Mỹ nghệ trong năm 2023 đã giao hàng được 12,5 cont đạt 52,08% so với kế hoạch (12,5 cont/24 cont), đạt 71,43% (12,5 cont/17,5 cont) so với cùng kỳ 2022, đến thời điểm này ngành hàng mỹ nghệ đã kết thúc năm 2023, mục tiêu 24 cont theo kế hoạch đề ra không thể thực hiện được nguyên nhân do tình hình kinh tế khó khăn nên nhu cầu sử dụng hàng mỹ nghệ của người dân thấp, phía khách hàng nước ngoài cắt giảm sản lượng hoặc không đặt hàng.

2.3- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:

a)- Mặt hàng Cơ khí:

Mặt hàng cơ khí trong năm 2023 doanh số là 22 tỷ đồng đạt 109,61% so với kế hoạch (22 tỷ đồng/20 tỷ đồng), đạt 129,88% (22 tỷ đồng /16,878 tỷ đồng) so với cùng kỳ 2022. Trong năm 2023 ngành hàng cơ khí kinh doanh có hiệu quả góp phần vào lợi nhuận chung toàn Công ty. Đạt được kết quả trên là do trong năm 2023 ngành hàng cơ khí ký được một số hợp đồng gia công lắp đặt thiết bị với khách hàng bên ngoài và một số hợp đồng sửa chữa, di dời máy móc thiết bị trong hệ thống Tổng Công ty.

b)- Mặt hàng Bê tông - VLXD:

Mặt hàng Bê tông sản lượng bán ra trong năm 2023 là 37.760 m³ đạt 58,09% so với kế hoạch (37.760 m³/65.000 m³), đạt 68,36% (37.760 m³/55.234 m³) so với cùng kỳ 2022. Mặt hàng bê tông chịu áp lực cạnh tranh về chất lượng, khối lượng, ngoài ra trong năm 2023 do ảnh hưởng của việc thắt chặt tiền tệ hạn chế đầu tư công nên các công trình công chậm khởi công hoặc triển khai hoạt động cầm chừng làm ảnh hưởng rất lớn sản lượng bê tông của Công ty. Công ty chủ yếu khai thác các công trình tư nhân và nhà dân nên sản lượng bán ra rất thấp. Trong năm 2023 ngành hàng bê tông kinh doanh không hiệu quả góp phần làm giảm đi lợi nhuận chung toàn Công ty.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ:

1- Công tác quản lý, điều hành:

- Thực hiện các báo cáo định kỳ theo Luật Chứng khoán gửi các cơ quan chức năng đúng quy định.
- Chuẩn bị hồ sơ gửi về Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long an thực hiện việc gia hạn hồ sơ thuê đất ở xí nghiệp Lương thực thực phẩm và xí nghiệp Bao bì và thủ công mỹ nghệ.
- Tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 19/4/2023.
- Thực hiện chốt quyền chia cổ tức năm 2022 cho cổ đông Công ty với tỷ lệ 7.3%/VĐL
- Tăng cường kiểm soát việc sử dụng vốn, luân chuyển vốn, nợ phải thu khách hàng, công nợ nội bộ, số dư nợ ngân hàng, các khoản chi phí; không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, sử dụng vốn sai mục đích.
- Tổ chức thành công đại hội cổ đông bất thường năm 2023 vào ngày 01/12/2023 để bầu bổ sung TV HĐQT, xin chủ trương mở rộng địa bàn SXKD lương thực thực phẩm.

- Chuẩn bị hồ sơ và thực hiện chốt quyền tổ chức đại hội cổ đông bất thường năm 2023 tổ chức ngày 01/12/2023

- Thực hiện xây dựng phương án hợp tác khai thác nhà xưởng, máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 xí nghiệp Cao Lãnh trực thuộc Công ty Lương thực Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm và đã được Tổng Công ty, HĐQT Công ty, Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 phê duyệt và đã đi vào hoạt động.

2- Công tác đầu tư – xây dựng cơ bản:

Trong năm 2023 Công ty đã thực hiện đầu tư các hạng mục như sau:

- Làm lại hàng rào nhà vệ sinh Xí nghiệp xây lắp cơ khí trị giá công trình 152.266.407 đồng.

- Đầu tư phần mềm trạm trộn bê tông trị giá 99.727.273 đồng.

- Đầu tư xe xúc lật phục vụ cho xúc cát đá phân xưởng bê tông trị giá 1.104.629.630 đồng.

- Đầu tư máy hàn bao liên tục – Xí nghiệp lương thực thực phẩm: 53.000.000 đồng.

- Đầu tư hồ chứa nước PCCC PX1 – Xí nghiệp lương thực thực phẩm: 148.403.920 đồng.

- Bảng tải kép nhập xuất hàng kho B5 PX1 – Xí nghiệp lương thực thực phẩm: 227.462.581 đồng.

Đồng thời công ty cũng đã thanh lý một số tài sản như sau: 01 xe bơm cân bơm bê tông, 01 máy bơm ngang 60m³/h và 02 xe bồn trộn bê tông do thường xuyên hư hỏng đến nay không thể sửa chữa được.

3- Công tác đầu tư cánh đồng lớn:

Công ty đã thực hiện liên kết ngang cung ứng đầu vào giống lúa xác nhận vật tư nông nghiệp, liên kết với Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Tân Đồng Tiến tại xã Tân Hòa huyện Tân Thạnh tỉnh Long An để bao tiêu sản phẩm cho nông dân theo phương thức 3 với diện tích 64 ha, tổng số lượng lúa thu mua là 518 tấn, Công ty đã liên kết với Công ty TNHH vận tải Nhơn Thịnh Phú để vận chuyển lúa từ đồng ruộng về lò sấy xong vận chuyển về kho Công ty.

IV-ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2023 là một năm nhiều khó khăn cho các ngành hàng sản xuất kinh doanh của Công ty. Hầu hết các ngành hàng của Công ty đều không đạt được doanh thu và sản lượng theo như kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, nhưng Ban điều hành đã có những bước đi thận trọng, chắc chắn và linh hoạt đảm bảo có hiệu quả và tăng trưởng. Với Kết quả SXKD của Công ty trong năm 2023 đạt 100,73% lợi nhuận theo kế hoạch, bảo tồn được nguồn vốn của nhà nước, đảm bảo việc làm, đời sống, thu nhập cho người lao động trong Công ty.

PHẦN B

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

I-NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH:

Nhận định năm 2024 tình hình sản xuất kinh doanh vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thị trường đặc biệt chiến tranh Đông Âu và Trung Đông làm

cho giá nguyên nhiên liệu tăng lên. Trong nước tình hình giá lương thực tăng chưa có dấu hiệu hạ nhiệt và diễn biến phức tạp khó lường gây khó khăn trong việc thu mua phục vụ cho việc sản xuất chế biến kinh doanh lương thực.

Từ nhận định trên, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

II-KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024:

1-Kế hoạch một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	572,529	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	14	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo QĐ	
4	Thu nhập bình quân người LĐ	Tr đồng	8,851	

2-Kế hoạch sản lượng kinh doanh từng ngành năm 2024:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2024	GHI CHÚ
1	- Lương thực mua vào quy gạo:	Tấn	34.000	
	Trong đó : + Gạo các loại :	Tấn	33.500	
	+ Lúa các loại :	Tấn	1.000	
	- Lương thực bán ra quy gạo	Tấn	34.000	
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	6.000	
	+ Gạo Nội địa	Tấn	28.000	
2	Bao bì (quy chuẩn 120 gr)	Triệu cái	7,000	
3	Mỹ nghệ	Con't	20	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	25	
5	Bê tông	M ³	60.000	

3. Nhiệm vụ giải pháp chung:

Công ty đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2024 như sau:

- Hoàn chỉnh các quy chế, quy định trong công tác quản lý; Tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy chế về quản lý tài chính trong thu, chi, nhập, xuất tại các đơn vị trực thuộc. Tích cực thu hồi công nợ, hạn chế nợ dây dưa, quá hạn.

- Thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra công tác công bố thông tin kịp thời và đúng theo Luật chứng khoán hiện hành đảm bảo công khai, minh bạch.

- Thành lập tổ kiểm kê nhằm kiểm kê hàng hóa, tài sản, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ toàn Công ty phục vụ cho công tác quyết toán năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trình HĐQT và Tổng công ty xem xét phê duyệt.

- Tiếp tục sắp xếp, củng cố bộ máy quản lý của Công ty và các xí nghiệp trực thuộc, kiện toàn bộ máy quản lý và ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động SXKD của Công ty.

- Triển khai thực hiện phương án hợp tác khai thác nhà xưởng, máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 xí nghiệp Cao Lãnh trực thuộc Công ty Lương thực Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm và đã được HĐQT, Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 phê duyệt một cách đồng bộ, hiệu quả, thu tuyển lao động, sửa chữa máy móc thiết bị sớm đưa vào hoạt động nâng cao hiệu quả SXKD của ngành hàng lương thực.

- Tăng cường kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm. Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ, PCCC cho CB CNV toàn Công ty; Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-NLĐ và các đối tượng theo tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm ...

4- Các giải pháp đối với các ngành hàng:

4.1- Mặt hàng lương thực:

+ Về sản xuất chế biến:

- Các bộ phận liên quan phối hợp với Xí nghiệp Lương thực thực phẩm tổ chức rà soát lại định mức trong dây chuyền sản xuất những công đoạn chưa phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí để giảm giá thành, tăng thu hồi thành phẩm, bán ra có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác bảo trì máy móc thiết bị để sản xuất ổn định giao hàng đúng thời gian theo hợp đồng đã ký.

- Vận hành chế biến đúng như các thủ tục hướng dẫn Haccp.

- Chú trọng công tác quản lý chất lượng, tổ chức kiểm tra, kiểm soát tốt quá trình sản xuất chế biến từ khâu nguyên liệu đến khâu thành phẩm nhằm hạn chế các điểm nguy trong giao dịch bán hàng.

+ Về tiêu thụ:

- Phòng KHKD Công ty phải lên kế hoạch tiêu thụ cụ thể theo mạng lưới khách hàng hiện có, cân đối và có kế hoạch tiếp thị bán ra ở những phân khúc thị trường mới nhằm đảm bảo sản lượng tiêu thụ đạt theo kế hoạch được giao.

- Về chiến lược giá bán ra xây dựng trên cơ sở theo từng đối tượng khách hàng, giá bán cụ thể theo từng thời điểm cho từng loại hàng đảm bảo cạnh tranh và có hiệu quả.

- Dự đoán, dự báo về thị trường, tính hiệu quả từng mặt hàng trước khi quyết định thực hiện ký hợp đồng bán hàng nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Về xuất khẩu Phòng KHKD tăng cường quan hệ tìm kiếm thêm khách hàng, tìm đầu ra cho xuất khẩu.

- Về nội địa tổ chức tiếp thị bán hàng vào các thị trường mới với những loại gạo phù hợp với thu nhập của người dân, chú trọng tiếp thị vào các cơ sở chế biến thức ăn nhanh như bún, bánh phở, mì, nui... Tham gia quảng cáo thực hiện các chương trình khuyến mãi, đưa ra những sản phẩm mới đa dạng cung cấp tại các hệ

thông siêu thị, bếp ăn tập thể, suất ăn công nghiệp nhằm quảng bá thương hiệu Công ty.

- Thường xuyên chăm sóc khách hàng nhằm nắm bắt kịp thời những phản hồi từ khách hàng về giá cả, chất lượng và đối thủ cạnh tranh để từ đó có giải pháp điều chỉnh để thích nghi với thị trường.

4.2- Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:

Mặt hàng Bao bì: Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi.

Tích cực tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

Kiểm tra chặt công tác sản xuất sản phẩm tiết kiệm nguyên liệu, điện năng tiêu thụ, sản xuất sản phẩm đảm bảo đúng chất lượng, trọng lượng, giảm giá thành sản phẩm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Dự báo tình hình thị trường chọn thời điểm mua nguyên vật liệu với giá thấp nhất để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Bộ phận bán hàng cần tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo để tăng sản lượng bán ra.

Mặt hàng Mỹ nghệ: Thường xuyên trao đổi để nắm bắt thông tin của khách hàng về chủng loại, kích thước sản phẩm, đàm phán để ký kết hợp đồng, tổ chức sản xuất sản phẩm cho năm 2024, đồng thời có thể tính toán được lượng nguyên liệu lúa tươi, rơm vàng cần sử dụng cho năm 2024 để tiến hành nhập mua.

Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, cụ thể: Giám sát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào như lúa non rơm vàng..., tăng tỷ lệ thu hồi sậy, tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm như: Giảm lúa phế, rơm phế và tận dụng lúa phế, rơm phế làm shin, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào cũng như tiết kiệm điện năng trong quá trình sấy lúa, sấy sản phẩm.

4.3- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông & VLXD:

Mặt hàng Cơ khí:

Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán hàng, đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn trong việc nâng cấp dây chuyền, thiết bị để nâng chất lượng gạo sản xuất ra ngày càng cao theo nhu cầu của thị trường.

Cần có sự sắp xếp khoa học, hợp lý giữa các tổ đội trong phân xưởng cơ khí nhằm tăng năng suất lao động trong bối cảnh thiếu hụt lao động như hiện nay.

Chú trọng đào tạo và đào tạo lại lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề nhằm tiếp cận những công nghệ mới trong vận hành sản xuất.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã, nâng cao tính năng và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng.

Mặt hàng Bê tông – Vật liệu xây dựng: Tăng cường công tác giám sát chất lượng đảm bảo chất lượng luôn ổn định cung cấp cho khách hàng.

Thường xuyên kiểm tra bảo trì máy móc thiết bị trạm trộn, xe bồn, bơm bê tông... đảm bảo cho hoạt động sản xuất được xuyên suốt không bị gián đoạn.

Chú trọng công tác nghiên cứu ứng dụng vật liệu mới, phụ gia mới vào bê tông đưa vào sản xuất đại trà nhằm hạ giá thành tăng tính cạnh tranh cho ngành hàng này.

Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và gạch không nung để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ. Do thị phần bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác mở rộng thêm các khu vực trong và ngoài tỉnh nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

Quan tâm công tác thu hồi công nợ tránh tình trạng nợ dây dưa khó đòi.

III. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ:

1- Công tác quản lý, điều hành:

+ Tiếp tục rà soát, sắp xếp và định biên lại bộ máy trong toàn Công ty để tinh gọn và nâng cao hiệu quả trong công việc. Cụ thể: sắp xếp, củng cố bộ máy quản lý của Công ty và các xí nghiệp trực thuộc, kiện toàn tổ chức trong một số lĩnh vực quản lý và ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động SXKD của Công ty trong tình hình khó khăn hiện nay.

+ Tăng cường công tác Quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

+ Rà soát, đánh giá công tác lao động, tiền lương, có chế độ trả lương phù hợp tạo động lực để thúc đẩy sản xuất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định trong công tác quản lý; Tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy chế về quản lý tài chính trong thu, chi, nhập, xuất tại các đơn vị trực thuộc, quy chế quản lý nợ phải thu.

+ Tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm. Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho CB CNV toàn Công ty; Khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng làm việc trong môi trường nặng nhọc độc hại và đối tượng theo tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm ...

+ Tổ chức Quyết toán tài chính năm 2023, hoàn chỉnh hồ sơ tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Chi cổ tức năm 2023 cho cổ đông.

+ Tổ chức thu mua lúa gạo để chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; Tiếp thị chào bán các loại sản phẩm hàng hóa của đơn vị; Thực hiện các chương trình khuyến mãi bán hàng dịp lễ, tết.

2- Công tác đầu tư-xây dựng cơ bản:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 trình cấp trên phê duyệt. Tập trung chủ yếu vào các công trình trọng điểm phục vụ nhu cầu cấp bách trong sản xuất kinh doanh năm 2024 và những năm tiếp theo cụ thể như sau:

- Đầu tư nội bộ các Xí nghiệp năm 2024 (đã gồm VAT) dự kiến: 8,580 tỷ đồng.

Gồm:

+ Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm: 4,730 tỷ đồng

+ Xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí : 3,850 tỷ đồng

3- Công tác đầu tư cánh đồng lớn:

Để chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu cho năm 2024 đáp ứng yêu cầu chất lượng ngày càng cao của khách hàng. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng bao tiêu với Hợp tác xã SX TM DV Nông nghiệp Tân Đông Tiến để thực hiện sản xuất cánh đồng lớn năm 2024 với diện tích là 71 ha lúa IR50404 tại xã Nhơn Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An với phương thức Công ty thực hiện thu mua lúa tươi của nông dân sau đó vận chuyển về gia công sấy và nhập kho bảo quản, dự kiến thu hoạch trong tháng 1/2024.

4- Công tác khác:

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể thường xuyên phát động phong trào thi đua trong sản xuất và phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm, xây dựng các giải pháp thiết thực, hiệu quả thực hiện để hoàn thành kế hoạch SXKD.

- Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt; Chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh công nghiệp bảo vệ môi trường.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2024.

Nơi nhận:

- HDQT
- Lưu MC/D/BCDDV.



Lê Trường Sơn

Số: 04.2023/BKS/MECOFOOD

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính gửi : **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

I/- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023.

-Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2023 của Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

-Kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính; Kiểm tra giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

-Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2023.

-Ban Kiểm Soát đã tổ chức đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty năm 2023.

II/- Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

1.Về thẩm định báo cáo tài chính, kế toán của Công ty .

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Ban kiểm soát đánh giá hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy, các số liệu kế toán được phản ánh trung thực tình hình tài chính, Ban kiểm soát chưa thấy vấn đề gì nghiêm trọng xét trên các phương diện trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực hợp lý của Báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2023 được lập đầy đủ mẫu biểu theo qui định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, được Công ty kiểm toán chấp thuận toàn bộ, không có ý kiến ngoại trừ hay khuyến cáo.

a/Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	511.538.000.000	446.452.863.082	87,28
2	Tổng chi phí	497.738.000.000	432.551.946.348	86,90
3	Lợi nhuận trước thuế	13.800.000.000	13.900.916.734	100,73
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.760.000.000	3.037.371.925	110,05
5	Lợi nhuận sau thuế	11.040.000.000	10.863.544.809	98,40

b/Các chỉ tiêu tài chính.

Đơn vị tính : VND

Nội dung	31/12/2022.	31/12/2023.	So với cùng kỳ (%)
I-Tổng tài sản	193.726.321.330	169.335.200.991	87,41
1. Tài sản ngắn hạn	154.274.114.866	135.826.871.992	88,04
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.971.803.256	6.068.926.742	
- Các khoản phải thu ngắn hạn	36.291.291.617	28.745.907.460	
- Hàng tồn kho	112.958.812.754	100.836.807.471	
- Tài sản ngắn hạn khác	52.207.239	175.230.319	
2. Tài sản dài hạn	39.452.206.464	33.508.328.999	84,93
II-Tổng nguồn vốn	193.726.321.330	169.335.200.991	87,41
1. Nợ phải trả	70.995.447.150	45.579.727.742	
- Nợ ngắn hạn	70.725.447.150	45.309.727.742	
- Nợ dài hạn	270.000.000	270.000.000	
2. Vốn chủ sở hữu	122.730.874.180	123.755.473.249	100,83

c/Tồn kho hàng hóa, vật tư:

Số TT	Tên hàng hóa, vật tư	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Lương thực		6.906	82.977.465.897
	Lúa TD	tấn	251	1.970.799.734
	Gạo TD	tấn	5.585	67.790.469.194
	Gạo thơm	tấn	181	2.995.623.352
	Tấm ½	tấn	889	9.840.717.019
	Phụ phẩm			379.856.598
2	Nguyên liệu, vật liệu			5.992.985.913
	Kho NL cơ khí, bê tông			3.083.914.618
	Kho NL mỹ nghệ, bao bì			2.422.186.609
	Kho NVL phụ			109.933.772
	Chi phí thu mua nguyên vật liệu			376.950.914
3	Thành phẩm			3.657.376.629
	Cơ khí			842.890.700
	Gạch không nung			195.701.763
	Bao bì			2.618.784.166
4	Bán thành phẩm			5.713.218.914
	Cơ khí			1.031.320.403
	Mỹ nghệ- bao bì			4.681.898.511
5	Công cụ dụng cụ			788.139.372
6	Sản phẩm dở dang			1.707.620.746
	Tổng cộng			100.836.807.471

Tổng lượng tồn kho qui gạo là: **6.781** tấn, tổng giá trị: **82.977.465.897** đồng. Trong đó: Gạo các loại: 6.655 tấn; Lúa: 251 tấn.

+ Đã có hợp đồng đầu ra : 6.289 tấn

+ Lượng gạo chưa có hợp đồng : 492 tấn

Hàng tồn kho có giá vốn thấp hơn giá thị trường tại thời điểm nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

d/ Các khoản phải thu ngắn hạn:

- Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng: **28.563.398.770đ** gồm:

ĐVT: đồng

TT	Mặt hàng	Dư nợ	Trong hạn	Quá hạn		
				Từ 1 đến 30 ngày	Từ 30 đến 60 ngày	Trên 60 ngày
1	Cơ khí	516.915.600	516.915.600			
2	Bê tông	11.346.996.655	4.655.639.649	1.708.848.127	1.912.305.402	3.070.203.477
3	Bao bì	2.269.423.144	1.271.793.420	475.380.144	166.976.280	355.273.300
4	Gạo nội địa	12.783.203.070	12.402.448.070		358.405.000	22.350.000
5	Gạo XK	1.646.860.301	1.646.860.301			
		28.563.398.770	20.493.657.040	2.184.228.271	2.437.686.682	3.447.826.777

Trong đó: đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi: 1.925.445.150 đ

- Trả trước cho người bán: 252.887.363 đ

- Phải thu ngắn hạn khác: 1.855.066.477 đ

Trong năm, Công ty đã thu được công nợ khó đòi với tổng số tiền 63.330.000đ của: Công ty CP ĐT Thiết kế Xây dựng An Dương: 8.730.000đ, Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm Long an: 54.600.000đ

e/ Về công tác đầu tư – mua sắm TSCĐ:

- Tổng giá trị tài sản cố định đã đưa vào sử dụng trong năm 2023 là: 1.785.489.811 đồng gồm những hạng mục có giá trị như sau:

1. Phần mềm trạm trộn bê tông 90m³/h : 39.727.273đ
2. Hàng rào, mương thoát nước XN CK: 95.693.229đ
3. Nhà vệ sinh XN XLCK: 56.573.178đ
4. Xe xúc lật bánh lốp Liugong XLG855 SX 2023: 1.104.629.630đ
5. Bồn chứa nước PCCC PX1 – XNLTTP: 148.403.920đ
6. Máy hàn bao liên tục Winpack 53.000.000đ
7. Bần tải kép nhập – xuất hàng kho B5 – PX1 227.462.581đ
8. Phần mềm cân phụ gia trạm trộn bê tông 60 m³/h (2 trạm số):60.000.000đ

- Tổng giá trị tài sản cố định đã thanh lý trong năm 2023 là : **5.015.030.996** đồng

gồm:

1. Máy bơm bê tông Putzmeister 60m³/giờ: 304.761.905đ
2. Sửa chữa máy bơm bê tông Putzmeister 60m³/giờ : 251.360.000đ
3. Xe ô tô trộn bê tông (2 chiếc): 1.300.000.000đ
4. Xe bơm cần 43m ISUZU hệ thống bơm Zoomlion: 3.158.909.091đ

- Trong tháng 12 năm 2023 tại Đại hội Đồng Cổ đông bất thường Công ty đã trình phương án mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm tại Đồng Tháp và được Đại hội thống nhất thông qua.

2. Với số liệu như trên, Ban Kiểm soát có nhận xét như sau:

- Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 169 tỷ đồng, giảm 13% (trương đương 24 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022

- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 123 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2022.

- Tình hình quản lý tài sản, quản lý công nợ tại Công ty, khả năng thanh toán nợ và hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ.

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) tại ngày 31/12/2023 là 3 lần >1, công ty đảm bảo khả năng thanh toán tốt.

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu : 3,1%.

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ : 12,9%.

Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2023 là 28 tỷ đồng chiếm tỉ lệ 17% trên tổng tài sản, công ty mở sổ theo dõi, hạch toán chi tiết theo từng đối tượng, có đối chiếu công nợ với khách hàng tương đối đầy đủ.

3. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, sổ sách, hóa đơn, chứng từ rõ ràng, minh bạch.

- Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Về công tác quản trị và điều hành.

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình một cách cẩn trọng, trung thực đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông.

- Các nghị quyết của HĐQT đều bám sát vào tình hình thực tế của Công ty, đúng thẩm quyền của HĐQT, nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Ban điều hành công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng qui định của pháp luật, điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT, kinh doanh có hiệu quả, tạo được việc làm, thu nhập ổn định cho CBCNV.

III/-Kết luận và kiến nghị

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban điều hành như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành hàng kinh doanh hiện có.

- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra đối chiếu thu hồi nợ đối với các khoản nợ tồn đọng, quản lý công nợ mới phát sinh.

- Bộ phận kinh doanh tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng tiêu thụ các sản phẩm của Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng hàng tồn kho, bảo dưỡng máy móc thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Chấp hành nghiêm công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chấp hành tốt nội qui chế cơ quan.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 04 tháng 03 năm 2024
BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- HĐQT và BĐH Công ty
- Thành viên BKS
- Lưu P.TCHC



Hoàng Thị Liên